TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 14-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thành Đức;

Ông Vũ Đình Bảng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đặng Thị Kim Liên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- ***Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Đào Duy Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/20xx/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 20xx, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/20xx/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 20xx, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức Th**, sinh ngày 09/02/19xx tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị A; chưa có vợ con; tiền án, có 07 tiền án:

Bản án số 135/2008/HSST ngày 14/10/2008, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức Th 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chưa được xoá án tích);

Bản án số 50/2009/HSST ngày 29/5/2009, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức Th 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích);

Bản án số 60/2011/HSST ngày 06/10/2011, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức Th 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích);

Bản án số 15/2013/HSST ngày 22/4/2013, Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức Th 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bị cáo phạm tội mới khi chưa hết thời gian xoá án tích, tài sản trộm cắp lần phạm tội này dưới 2.000.000 đồng nên không thuộc trường hợp tái phạm);

Bản án số 24/2014/HSST ngày 07/3/2014, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức Th 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bị cáo phạm tội mới khi chưa hết thời gian xoá án tích, tài sản trộm cắp lần phạm tội này dưới 2.000.000 đồng nên không thuộc trường hợp tái phạm);

Bản án số 14/2016/HSST ngày 31/5/2016, Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức Th 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích);

Bản án số 38/2017/HSST ngày 23/10/2017, Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức Th 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c (tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/8/20xx đến ngày 03/9/20xx chuyển tạm giam đến nay, có mặt;

2. Phạm Đức Đ, sinh ngày 25/01/19xx tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức Đ và bà Lưu Thị H; có vợ là Vũ Thị M, sinh nă và 03 con, con lớn sinh năm 20xx, con nhỏ sinh năm 20xx; tiền án, có 02 tiền án:

Bản án số 05/2008/HSST ngày 29/4/2008, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử phạt Phạm Đức Đ 24 tháng tù về tội Cướp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được xóa án tích);

Bản án số 20/2017/HSST ngày 14/4/2017, Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Đức Đ 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (chưa được xoá án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/8/20xx đến ngày 03/9/20xx chuyển tạm giam đến nay, có mặt;

3. Hà Văn H, sinh ngày 07/10/19xx tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H và bà Nguyễn Thị M; chưa có vợ con; tiền án: Không; nhân thân: Bản án số 25/2007/HSST ngày 27/9/2007, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử phạt Hà Văn H 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/8/20xx đến ngày 03/9/20xx chuyển tạm giam đến nay, có mặt;

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Bùi Công Đ, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 24/8/20xx, Nguyễn Đức Th điều khiển xe mô tô (xe mượn của anh Vũ Văn X, sinh năm 1973 ở thôn B, xã K, huyện Tiên Lãng) đi từ nhà đến Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng với mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Th vào tầng 1 Khoa sản của Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng thấy cửa phòng 117 không khóa, Th mở cửa vào phòng thì thấy bà Phạm Thị M đang nằm ngủ, tại cửa sổ đầu giường có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei P10 Plus màu đen. Th lén lút lấy điện thoại rồi đi xe mô tô đến nhà Hà Văn H ở thôn H, xã Đ, Tiên Lãng. Tại đây, Th nói với H vừa trộm cắp được 01 điện thoại Huawei P10 Plus và bán cho H với giá 1.000.000 đồng, H đồng ý. Th đưa chiếc điện thoại trên cho H và hẹn một lúc sau quay lại lấy tiền. Khoảng 08 giờ ngày 24/8/20xx, anh Bùi Công Đ, là con trai bà M, dùng phần mềm messenger mang tên "Bùi Đ" gọi đến điện thoại Huawei P10 Plus bị mất trộm, trao đổi xin chuộc lại điện thoại. H nghe điện thoại đồng ý và hẹn gặp anh Đ tại Khoa sản Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng. Khoảng 09 giờ cùng ngày, H nói với Phạm Đức Đ (là bạn, đang chơi tại nhà H) vừa mua chiếc điện thoại Huawei P10 Plus do Th trộm cắp với giá 1.000.000 đồng, H bảo Đ chở đi gặp người bị mất điện thoại để cho chuộc lại điện thoại, Đ đồng ý. Đ điều khiển xe môtô biển kiểm soát 16N9-7860 chở H đến Khoa sản Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng gặp anh Đ. Tại đây, Đ yêu cầu anh Đ phải trả đủ 1.500.000 đồng thì sẽ trả lại điện thoại, anh Đ đồng ý và đưa trước cho H 800.000 đồng. Anh Đ bảo Đ và H đứng đợi để đi lấy thêm 700.000 đồng trả tiền chuộc điện thoại. Khi H và Đ vừa nhận tiền thì bị Công an huyện Tiên Lãng phát hiện bắt quả tang, thu giữ của Đ 01 điện thoại Huawei P10 Plus màu đen, 01 xe môtô biển kiểm soát 16N9-7860, thu của H 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng và số tiền 800.000 đồng.

Ngay sau khi biết Hà Văn H và Phạm Đức Đ bị Công an huyện Tiên Lãng bắt quả tang khi đang giao dịch cho bị hại chuộc lại điện thoại, Nguyễn Đức Th đã đến Công an huyện Tiên Lãng đầu thú hành vi trộm cắp tài sản.

Bà Phạm Thị M khai: Ngày 23/8/20xx, bà M chăm sóc con dâu ở phòng 117 Khoa sản Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng. Tối cùng ngày, bà M để điện thoại Huawei P10 Plus tại cửa sổ phòng, khoảng 06 giờ ngày 24/8/20xx bà M phát hiện chiếc điện thoại bị mất nên đã trình báo Công an huyện Tiên Lãng.

Anh Bùi Công Đ khai: Khoảng 06 giờ ngày 24/8/20xx, sau khi nghe bà M thông báo bị mất điện thoại Huawei P10 Plus, anh Đ gọi đến điện thoại bị mất qua phần mềm messenger thì gặp H, anh Đ đề nghị H cho chuộc lại điện thoại, H đồng ý và hẹn gặp ở Khoa sản Trung tâm Y tế huyện Tiên Lãng. Khoảng 09 giờ cùng

ngày, anh Đ gặp H và Đ, Đ yêu cầu trả đủ 1.500.000 đồng thì cho chuộc lại điện thoại, anh Đ đưa cho H 800.000 đồng và bảo Đ, H đợi anh Đ đi lấy thêm 700.000 đồng. Ngay lúc đó, H, Đ bị Công an huyện Tiên Lãng phát hiện bắt quả tang. Nay anh Đ đề nghị được nhận lại số tiền 800.000 đồng do anh đã bỏ ra chuộc điện thoại cho bà M.

Bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-ĐG ngày 24/8/20xx của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiên Lãng kết luận: *"01 điện thoại Huawei P10 Plus, bộ nhớ 128 GB, ram 6Gb màu xanh, đen, máy đã qua sử dụng giá trị còn lại 40%=3.500.000 đồng"*.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 30/11/20xx, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Đức Th về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173; truy tố Phạm Đức Đ, Hà Văn H về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Đức Th, Phạm Đức Đ, Hà Văn H đều khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung nêu trên, Th khai khi bán điện thoại Huawei P10 Plus cho H, Th nói với H điện thoại do Th trộm cắp mà có; H, Đ khai biết rõ điện thoại này do Th trộm cắp được, bán cho H với giá 1.000.000 đồng, mục đích cho anh Đ chuộc lại điện thoại để hưởng lợi 500.000 đồng và chia nhau.

Kiểm sát viên khẳng định: Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 30/11/20xx, truy tố Nguyễn Đức Th về tội Trộm cắp tài sản; truy tố Phạm Đức Đ, Hà Văn H về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vai trò, tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt Nguyễn Đức Th từ 36 đến 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Đ), Điều 58 của BLHS, xử phạt: Hà Văn H từ 15 đến 18 tháng tù; Phạm Đức Đ từ 18 đến 21 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), trả lại số tiền 800.000 đồng cho anh Bùi Công Đ; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 6S của Hà Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của BLTTHS; các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Bị hại là bà Phạm Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Bùi Công Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, bà M và anh Đ đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra nên căn cứ Điều 292, BLTTHS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về tội danh và hình phạt: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Đức Th, Hà Văn H, Phạm Đức Đ phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được và kết luận định giá tài sản, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Nguyễn Đức Th vào khoảng 05 giờ ngày 24/8/20xx lén lút, bí mật lấy đi 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Huawei P10 Plus, trị giá 3.500.000 đồng của bà Phạm Thị M, là phạm tội Trộm cắp tài sản. Do hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản của Th tại Bản án số 38/2017/HSST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng đã bị coi là tái phạm nguy hiểm, bản án này chưa được xóa án tích, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS, hành vi trộm cắp chiếc điện thoại trên của Th thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, Th phải chịu tình tiết định khung hình phạt: Tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Mặc dù, bị cáo Th đã có 07 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng bản thân Th là lao động tự do, không lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính nên hành vi phạm tội ngày 24/8/20xx không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Hành vi của Hà Văn H, Phạm Đức Đ không hứa hẹn trước mà biết rõ chiếc điện thoại Huwuei P10 Plus do Th trộm cắp mà có nhưng vẫn yêu cầu anh Bùi Công Đ chuộc lại tài sản với giá 1.500.000 đồng, nhằm thu lợi bất chính là đồng phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 của BLHS.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm quyền sở hữu của người khác mà còn xâm phạm trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý người phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, mới có tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[6] Xét về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử cho rằng:

Hành vi phạm tội Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo Hà Văn H, Phạm Đức Đ là đồng phạm nhưng không có sự phân công, bàn bạc, câu kết giữa các đồng phạm nên đây là hình thức đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên,

cần thấy rằng, Nguyễn Đức Th giữ vai trò chính trong vụ án, bởi lẽ xuất phát từ việc Th thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau khi trộm cắp được Th đã nói cho H biết để H và Đ thực hiện việc tiêu thụ tài sản. H có vai trò chủ động, tích cực trong việc tiêu thụ tài sản, H nói cho Đ biết tài sản do Th trộm cắp mà có, Đ đã đồng ý đi cùng và tham gia vào việc cho anh Đ chuộc lại tài sản nên Đ giữ vai trò giúp sức cho H trong việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Th, Đ, H đều có nhân thân xấu, trong đó: Bị cáo Th đã có 07 tiền án, chưa được xóa án tích, tuy nhiên các tiền án đã được sử dụng làm tình tiết định khung hình phạt nên không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nữa; bị cáo Đ có 02 tiền án, trong đó tiền án tại Bản án số 20/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội lần này (ngày 24/8/20xx) bị coi là tái phạm, Đ phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; bị cáo H có 01 tiền án nhưng đã được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi phạm tội, bị cáo Th đã ra đầu thú, Th còn được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Căn cứ vai trò, tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử cho rằng, cần phải áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời hạn nhất định, theo đó Th phải chịu hình phạt cao nhất nhưng ở mức khởi điểm mà Kiểm sát viên đề nghị, còn Đ và H phải chịu hình phạt ngang nhau là thỏa đáng.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 BLHS đều quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi được; mặt khác các bị cáo đều là lao động tự do có thu nhập thấp, không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[9] Về thiệt hại dân sự: Bà Phạm Thị M đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Lãng trả lại chiếc điện thoại Huawei P10 Plus bị Th chiếm đoạt, bà M không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra để giải quyết.

[10] Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 16N9-7860, là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị Mỹ (vợ bị cáo Đ), chị Mỹ không biết Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Mỹ là đúng quy định pháp luật. Hiện nay, còn tạm giữ 01 điện thoại Iphone 6S và 800.000 đồng. Xét thấy, chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của H nhưng H đã sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; còn số tiền 800.000 đồng là do anh Bùi Công Đ đưa cho H để chuộc lại

chiếc điện thoại Huawei P10 Plus, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS trả lại cho anh Đ là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức Th, Phạm Đức Đ, Hà Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/8/20xx.

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đức Đ 18 (Mười tám) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/8/20xx.

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn H 18 (Mười tám) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25/8/20xx.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại anh Bùi Công Đ 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động Iphone 6S, có đặc điểm như biên bản thu giữ, đã được bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Đức Th, Phạm Đức Đ, Hà Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan CSĐT; Cơ quan THAHS Công an huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các bị cáo, bị hại, người cớ quyền lợi,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Đức Chi